

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 79/2023/DS-ST

Ngày 27-7-2023

“V/v tranh chấp nợ hụi”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Lộc

Ông Huỳnh Ngọc Ngươi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vui là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp nợ hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1/ Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1963 (Có mặt)

2/ Bà Lâm Thị Ngọc M, sinh năm 1976 (Có mặt)

Cùng chỉ cư trú: Ấp TA, xã PH, huyện CN, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Bà Võ Thị Tr (Võ Thị Ch), sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp NPG, xã PH, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 11 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn K và bà Lâm Thị Ngọc M trình bày:

Ông, bà là chủ hụi ở địa phương, bà Võ Thị Tr có tham gia chơi hụi của ông, bà và còn nợ lại số tiền cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: Mở ngày 20/7/2019 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, dây hụi có 30 chung, trong đó bà Tr có tham gia chơi 01

chung, đến tháng 9/2019 thì bà Tr hốt hụi được số tiền 20.535.000 đồng. Đối với dây hụi này mãn vào ngày 20/12/2021 âm lịch.

Dây thứ hai: Mở ngày 20/7/2019 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, dây hụi có 25 chung, trong đó bà Tr có tham gia chơi 02 chung, đến tháng 10/2019 bà Tr hốt một chung được số tiền 17.300.000 đồng, đến tháng 4/2020 (tháng tư trước) bà Tr tiếp tục hốt hụi được số tiền 20.050.000 đồng. Đối với dây hụi này mãn vào ngày 20/7/2021 âm lịch.

Dây thứ ba: Mở ngày 06/11/2019 âm lịch, loại hụi 500.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, dây hụi có 38 chung, trong đó bà Tr có tham gia chơi 01 chung, đến tháng 02/2020 bà Tr hốt hụi được số tiền 11.960.000 đồng. Đối với dây hụi này mãn vào ngày 06/12/2022 âm lịch.

Khi mở hụi thì ông, bà có lập danh sách hụi và các hụi viên đều ký tên vào trong danh sách hụi, sau đó phô tô đưa mỗi người 01 bản, các lần bà Tr hốt hụi và nhận tiền ông, bà đều làm văn bản cho bà Tr ký tên vào.

Đối với 4 chung hụi, sau khi hốt hụi bà Tr đóng hụi chết lại cho ông, bà có tháng đủ, có tháng thiếu. Sau đó bà M đến nhà bà Tr gom tiền hụi thì hai bên cự cãi nhau, tại Công an xã Phú Hưng, huyện Cái Nước bà Tr có cam kết thừa nhận tính đến ngày 30/11/2020 âm lịch bà Tr còn nợ lại ông, bà tổng số tiền nợ hụi chưa đóng là 14.200.000 đồng và 04 chung hụi chưa mãn mỗi tháng phải đóng là 3.500.000 đồng. Sau ngày cam kết thì bà Tr đóng hụi chết cho ông, bà đối với 03 chung hụi 1.000.000 đồng đầy đủ đến khi mãn, đối với chung hụi 500.000 đồng khi khởi kiện thì còn 3 lần nữa mãn với số tiền là 1.500.000 đồng. Đối với số tiền 14.200.000 đồng thì bà Tr đã trả cho ông, bà được 4.200.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền nợ hụi bà Tr còn nợ lại ông, bà là 11.500.000 đồng, trong đó số tiền nợ còn lại theo cam kết ngày 30/11/2020 là 10.000.000 đồng, số tiền hụi loại 500.000 đồng đến ngày khởi kiện còn 3 lần nữa mãn là 1.500.000 đồng.

Nay ông, bà yêu cầu Toà án nhân dân huyện Cái Nước giải quyết buộc bà Võ Thị Tr trả cho ông, bà số tiền nợ hụi là 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng).

** Tại Đơn ý kiến yêu cầu ngày 12 tháng 12 năm 2022 và tại phiên toà bà Võ Thị Tr trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của ông K và bà M, về việc bà có tham gia các dây hụi và hốt hụi, tuy nhiên đối với số tiền nợ hụi thì bà không đồng ý. Bà chỉ còn nợ ông K số tiền nợ theo cam kết ngày 30/11/2020 là 1.500.000 đồng và 1.500.000 đồng của 3 lần hụi loại 500.000 đồng/tháng chưa đóng, tổng cộng là 3.000.000 đồng.

Bà thống nhất chữ ký “Chuyên” trong các danh sách hội ngày 20/7/2019 âm lịch và ngày 06/11/2019 âm lịch và các biên nhận nhận tiền là của bà nên bà không yêu cầu giám định chữ ký.

Bà thừa nhận vào ngày 30/11/2020 tại Công an xã Phú Hưng, huyện Cái Nước bà có làm tờ cam kết về việc trả nợ hội và đóng hội cho bà M, chữ ký “Võ Thị Ch” trong tờ cam kết là của bà. Tuy nhiên, sau khi làm cam kết bà đã đóng hội chết cho ông K và bà M đầy đủ đến khi mãn, đối với dây hội loại 500.000 đồng/tháng thì còn 03 lần nữa mãn nhưng do ông K khởi kiện nên bà không tiếp tục đóng hội cho ông K, bà M. Đối với số tiền nợ theo cam kết ngày 30/11/2020 là 14.200.000 đồng, là không đúng, bà chỉ nợ có 5.500.000 đồng tuy nhiên sau khi cam kết bà đã trả được 4.000.000 đồng nên bà chỉ còn nợ lại 1.500.000 đồng.

Nay bà đồng ý trả cho ông K và bà M số tiền nợ hội 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, bà Lâm Thị Ngọc M với bị đơn bà Võ Thị Trlà “Tranh chấp nợ hội” được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Võ Thị Trcó địa chỉ tại Ấp NPG, xã PH, huyện CN, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án:

Ông Nguyễn Văn K và bà Lâm Thị Ngọc M yêu cầu bà Võ Thị Trtrả số tiền nợ hội 11.500.000 đồng, bà Tr thừa nhận chỉ còn nợ 3.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên toà bà Võ Thị Tr thừa nhận bà có tham gia chơi của ông K, bà M 01 chung hội loại 1.000.000 đồng, dây hội có 30 chung mở ngày 20/7/2019 âm lịch, đến tháng 9/2019 thì bà Tr hốt hội; tham gia 02 chung hội loại 1.000.000 đồng, dây hội có 25 chung mở ngày 20/7/2019 âm lịch, đến tháng 10/2019 và tháng 04/2020 (tháng tư trước) thì bà Tr hốt hội; tham gia chơi 01 chung hội loại 500.000 đồng, dây hội có 38 chung mở ngày 06/01/2019 âm lịch, đến tháng 02/2020 thì bà Tr hốt hội. Từ đó cho thấy việc bà Tr có tham gia chơi các dây hội của ông K và bà M là thực tế có xảy ra được các bên thừa nhận.

Tại Tờ cam kết ngày 30/11/2020 thể hiện tổng số tiền bà Tr còn nợ ông K và bà M tính đến ngày 30/11/2020 là 14.200.000 đồng, cụ thể: “vào ngày 01/12/2020 (âl) tôi sẽ đóng hội cho bà Lâm Thị Ngọc M số tiền là 1.500.000 đ (Một triệu năm

trăm nghìn đồng) còn lại 1.700.000 đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) và số tiền nợ trước là 11.000.000 đ (Mười một triệu đồng) tôi sẽ trả vào ngày 28/12/2020 (âl) nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật”, cuối văn bản còn có chữ ký và ghi họ và tên của bà Tr, tại phiên tòa bà Tr cũng thừa nhận giữa bà Tr và bà M có lập tờ cam kết trên, chữ ký và ghi họ và tên trong Tờ cam kết là của bà Truyền. Đồng thời, nội dung Tờ cam kết không tẩy xóa, tờ cam kết chỉ có một trang, cuối trang bà Tr còn 02 lần ký tên vào trong tờ cam kết nên việc bà Tr cho rằng tại thời điểm lập tờ cam kết chỉ còn nợ ông K, bà M 5.500.000 đồng là không có cơ sở. Do đó, việc ông K, bà M cho rằng tại thời điểm hai bên lập Tờ cam kết ngày 30/11/2020 bà Tr còn nợ 14.200.000 đồng là có cơ sở.

Bà M, ông K và bà Tr đều xác định đối với tiền hụi đóng hàng tháng thì hai bên không làm biên nhận, đối với số tiền nợ trong tờ cam kết thì hai bên mới làm biên nhận. Bà Tr có cung cấp cho Tòa án 05 biên nhận thể hiện ông K có nhận của bà Tr 4.000.000 đồng, ông K thừa nhận 05 biên nhận bà Tr cung cấp là của ông K viết đưa cho bà Tr giữ và thừa nhận có nhận của bà Tr là 4.200.000 đồng chứ không phải là 4.000.000 đồng, vì 200.000 đồng sau không có làm biên nhận. Từ đó cho thấy kể từ sau khi làm tờ cam kết thì bà Tr đã trả cho ông K, bà M được 4.200.000 đồng, số tiền còn lại bà Tr còn nợ theo cam kết là 10.000.000 đồng là phù hợp với lời trình bày của ông K, bà M và phù hợp.

Bà Tr thừa nhận đối với dây hụi loại 500.000 đồng/tháng khi ông K, bà M khởi kiện thì hụi còn 03 lần nữa mãi nhưng do ông K, bà M khởi kiện nên bà không đóng và thừa nhận còn nợ lại đối với dây hụi này là 1.500.000 đồng.

Từ các phân tích đánh giá nêu trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K và bà Lâm Thị Ngọc M đối với bà Võ Thị Truyền. Buộc bà Võ Thị Tr trả cho ông K và bà M số tiền nợ hụi là 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng).

[3] Về án phí dân sự có giá ngạch: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K và bà M nên bà Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 575.000 đồng (Năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 147, 227, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Các Điều 357, 471, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K, bà Lâm Thị Ngọc M đối với bà Võ Thị Truyền.

Buộc bà Võ Thị Trcó nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn K và bà Lâm Thị Ngọc M số tiền 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày ông K, bà M có đơn yêu cầu thi hành án, bà Tr không thi hành khoản tiền nêu trên thì bà Tr phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Võ Thị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 575.000 đồng (Năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật. Ông K và bà M không phải chịu án phí, ông K và bà M có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008607 ngày 25/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước được nhận lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai ông Nguyễn Văn K, bà Lâm Thị Ngọc M, bà Võ Thị Tr có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Nguyễn Văn Đệ

